

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2018
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Loan
2. Bà Nguyễn Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều A - sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi P - sinh năm 1988; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Như Lực – Luật sư Công ty Luật hợp danh Việt Tín thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 30 tháng 5 năm 2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Bùi P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung tại thôn DD, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không tôn trọng

chị A, thường xuyên chơi bời, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo gia đình, chị A đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không nghe còn xúc phạm, đánh chị A, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ cuối tháng 4 năm 2018 đến nay chị A bỏ về nhà cha mẹ để ở, vợ chồng không còn sống chung, quan tâm, chăm sóc nhau từ đó đến nay.

Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị A, anh P có 02 con chung là Bùi Khánh Q sinh ngày 10 tháng 6 năm 2012 và Bùi Diệp Bảo T sinh ngày 17 tháng 6 năm 2014, hiện nay 02 con chung đang do anh P nuôi dưỡng. Trước khi mở phiên tòa, chị A có yêu cầu nuôi cháu T, giao cháu Q cho anh P nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị A thay đổi yêu cầu là chị A yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai. Không ai nợ chung của vợ chồng.

* Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 6 năm 2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị Nguyễn Thị Kiều A tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 5 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình vợ chồng chung sống đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại. Từ tháng 4 năm 2018 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay anh P vẫn còn thương chị A, anh P muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên không đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị A, anh P có 02 con chung là Bùi Khánh Q sinh ngày 10 tháng 6 năm 2012 và Bùi Diệp Bảo T sinh ngày 17 tháng 6 năm 2014; hiện nay 02 con chung đang do anh P nuôi dưỡng. Anh P yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai. Không ai nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu, đề nghị về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Việc nguyên đơn khai làm thuê nuôi trồng thủy sản cho gia đình thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng là không có cơ sở; bị đơn có cơ sở kinh doanh ổn định có thể đủ đảm bảo điều kiện nuôi 02 con; bị đơn đang nuôi dưỡng 02 con chung, nhà của bị đơn cũng gần nhà ông bà nội nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung của bị đơn sẽ thuận lợi. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu về nuôi dưỡng 02 con chung của nguyên đơn, giao 02 con chung cho bị đơn nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung để đảm bảo quyền nuôi con của các bên, đề nghị giao cho nguyên đơn, bị đơn mỗi người nuôi một con chung; về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều A yêu cầu ly hôn với anh Bùi P, anh P có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều A, anh Bùi P kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày ngày 03 tháng 5 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh P là hợp pháp.

Việc chị A yêu cầu ly hôn với anh P, anh P không đồng ý ly hôn; xét thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản hòa giải tại Tòa án thì vợ chồng chị A, anh P trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn (theo chị A là do anh P không tôn trọng chị, thường chơi bời, ngoại tình, không chăm lo gia đình; còn theo anh P là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên lời qua tiếng lại), mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4 năm 2018 thì chị A bỏ về nhà cha mẹ để chị ở, từ đó vợ chồng không còn sống chung, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nên có cơ sở để khẳng định giữa chị A với anh P đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị A.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A, anh P có 02 con chung là Bùi Khánh Q sinh ngày 10 tháng 6 năm 2012 và Bùi Diệp Bảo T sinh ngày 17 tháng 6 năm 2014; hai con chung đang do anh P nuôi dưỡng. Chị A yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị A, anh P có 02 con chung; cả chị A và anh P đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung như nhau; chị A, anh P đều có khả năng lao động, tạo ra thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho con. Vì vậy việc giao cho chị A, anh P mỗi người nuôi dưỡng một con

chung là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đạo đức xã hội; cháu Bùi Diệp Bảo T sinh năm 2014 nhỏ tuổi hơn cháu Bùi Khánh Q sinh năm 2012 nên xét thấy cần giao cháu T cho chị A nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh P nuôi dưỡng; chị A, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kiều A, anh Bùi P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều A, anh Bùi P đều xác nhận vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều A được ly hôn anh Bùi P.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Bùi Diệp Bảo T, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Kiều A trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Khánh Q sinh ngày 10 tháng 6 năm 2012 cho anh Bùi P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị A, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị A, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị A, anh P có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014200 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Văn Trù**